

BẢN TIN

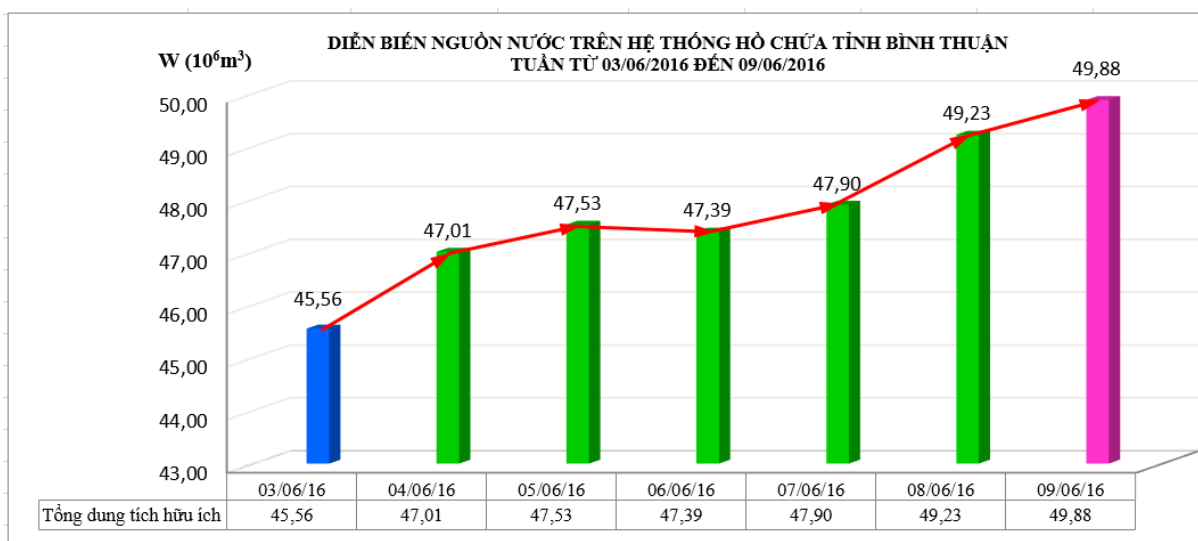
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

(Tuần từ 10/6/2016 đến 16/6/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 03/06 - 09/06/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 03/06/2016 đến 09/06/2016 được trình bày tại Hình 1. Trong tuần vừa qua, trên địa bàn tỉnh có mưa một vài nơi nên đã bổ sung nguồn nước cho các hồ, đập. Vì lượng mưa nhỏ nên tổng dung tích các hồ tăng nhẹ so với đầu tuần, mức tăng bình quân đạt 0,72 triệu m^3 /ngày, tổng lượng tăng là 4,33 triệu m^3 .



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 03/06-09/06/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 09/06/2016

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 09/06/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 49,9 triệu m^3 , đạt 23,04 % so với tổng dung tích thiết kế. Do lượng mưa phân bố không đều nên dung tích một số hồ giảm nhẹ so với tuần trước như hồ Đá Bạc, hồ sông Khán, hồ sông Quao, hồ Tân Lập. Hai hồ vẫn cạn nước là hồ Sông Móng và hồ Núi Đất.

Các hồ khác lượng nước tăng nhẹ.

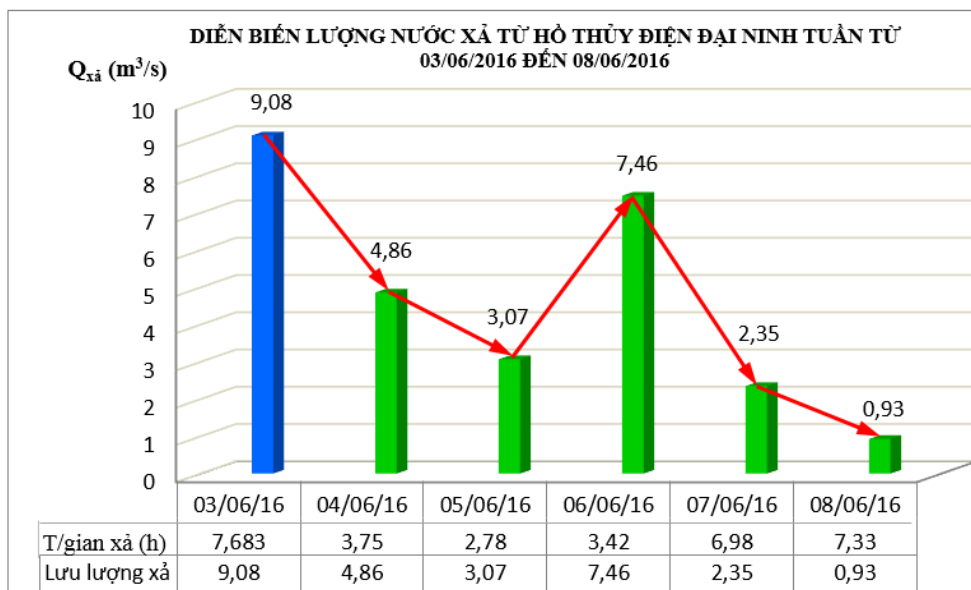
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 09/06/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,858	4,870	9,718	0,392	4,478	▼ 0,466	10,41%
2	Lòng Sông	10,444	37,160	40,271	3,464	33,696	▲ 6,980	20,71%
3	Cà Giây	21,324	36,921	63,209	8,409	28,512	▲ 12,915	45,30%
4	Sông Khán	0,606	2,014	2,520	0,261	1,753	▼ 0,345	19,68%
5	Sông Quao	22,245	73,000	80,000	5,700	67,300	▼ 16,545	24,58%
6	Suối Đá	2,743	9,131	12,786	1,273	7,858	▲ 1,470	18,71%
7	Cắm Hang	0,708	1,180	1,215	0,013	1,167	▼ 0,659	59,58%
8	Sông Móng	2,545	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ -0,440	-1,29%
9	Ba Bàu	3,852	6,938	11,403	0,964	5,974	▲ 2,888	48,35%
10	Đu Đủ	1,260	3,664	5,217	0,297	3,367	▲ 0,963	28,59%
11	Tân Lập	1,063	1,070	1,520	0,07	1,000	▼ 0,993	99,28%
12	Tà Mon	0,156	0,657	0,72	0,05	0,607	▲ 0,106	17,40%
13	Núi Đất	0,473	8,466	9,648	0,566	7,900	▼ -0,093	-1,18%
14	Trà Tân	3,888	3,888	8,333	0,403	3,485	▲ 3,485	100,00%
15	Sông Phan	0,475	3,022	3,579	0,172	2,850	▲ 0,303	10,63%
16	Phan Dũng	3,498	13,674	18,925	1,233	12,441	▲ 2,265	18,20%
Tổng Cộng		76,137	242,811	320,579	26,252	216,559	49,885	23,04%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 03/06/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 09/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 34,2 triệu m³/251,7 triệu m³, đạt 13,6 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 1,35 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 03/06/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 03/06/2016 đến 08/06/2016

Tính đến ngày 09/06/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 111,67

triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 21,37 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 11,16 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 03/06/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 09/06/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	Đại Ninh	102,241	319,770	549,820	68,040	251,730	34,201	13,59%
2	Hàm Thuận	284,398	695,230	976,650	172,730	522,500	111,668	21,37%
Tổng Cộng		386,638	1,015,000	1,526,470	240,770	774,230	145,868	18,84%

Từ ngày 03/06/2016 đến ngày 09/06/2016, Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi cơ bản đảm bảo duy trì thời gian và lưu lượng chạy máy phát điện kết hợp cấp nước về hạ du, Thủy điện Đại Ninh với lượng xả bình quân chỉ đạt 0,08 triệu m³/ngày ít hơn so với dự kiến (0,14 triệu m³/ngày) - theo Biên bản thống nhất kế hoạch điều tiết nước hồ thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và Đại Ninh ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện.

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.

- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 06/2016	Dự báo KTTV tuần 2 tháng 06/2016
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>-Dự báo lượng mưa tháng 6/2015 đạt xấp xỉ và có nơi cao hơn TBNN. Cụ thể ở các khu vực như sau:</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến từ: khu vực phía bắc tỉnh 20 - 40mm, khu vực trung</p>

Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 300 - 400mm, với 18 - 20 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 100 - 150mm có nơi 150 - 250mm, với 14 - 16 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm, với 10 - 12 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,50m; Hmax = 118m;
Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,30m; Hmax = 24,00m
Hmin = 23,00m.

tâm và phía nam tỉnh 50 - 75mm có nơi 80 - 120mm, vùng núi phía Tây và Tây nam: 100 - 150mm đạt xấp xỉ TBNN; với 4 - 8 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm.

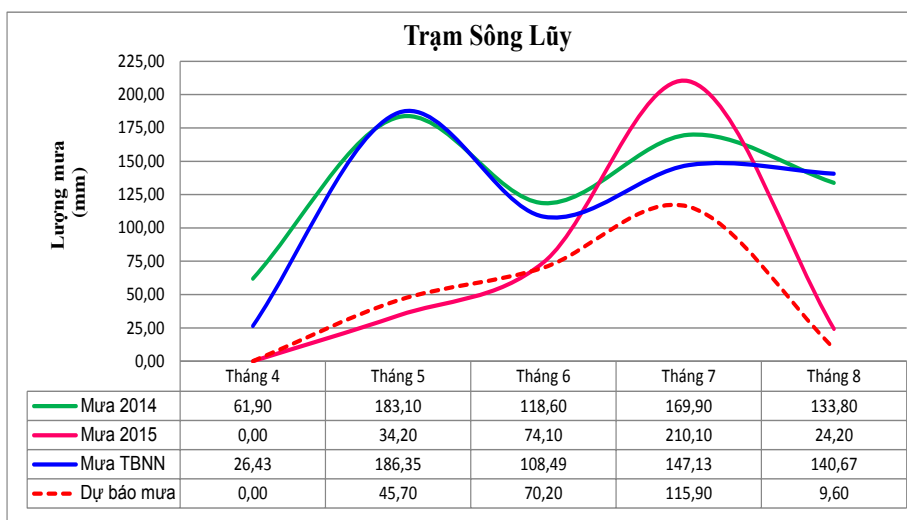
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

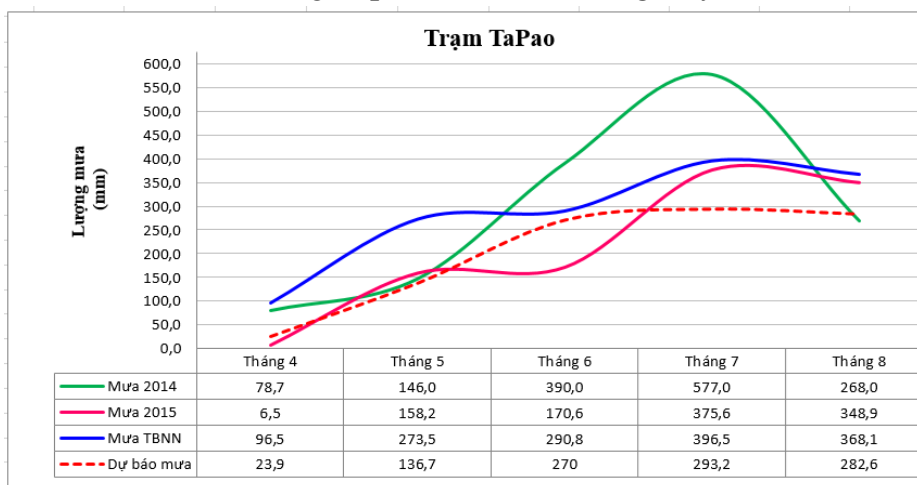
+ Tà Pao: Htb=116,45m; Hmax = 118,00m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,20m; Hmax = 24,00m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo trong giai đoạn 5 tháng tiếp theo tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 6 – 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Đông Hè Thu (10^6 m^3)			
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng cộng (10^6 m^3)
1	Hồ Đá Bạc	-	-	0,05	0,05
2	Hồ Phan Dũng	1,81	1,61	3,48	6,9
3	Hồ Lòng Sông	0,26	1,31	6,16	7,73
4	Đập Sông Lũy	22,34	35,57	42,72	100,63
5	Hồ Cà Giây	4,28	2,79	6,03	13,1
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	41,27	21,97	31,85	95,09
7	Hồ Sông Quao	27,79	34,04	46,82	108,65
8	Hồ Suối Đá	1,56	1,02	2,2	4,78
9	Hồ Sông Khán	1,04	0,7	1,5	3,24
10	Hồ Cà Giang	1,24	0,57	0,32	2,13
11	Hồ Cẩm Hàng	0,65	0,72	0,88	2,25
12	Hồ Sông Móng	3,37	3,14	7,21	13,72
13	Đập Ba Bàu	7,54	6,38	13,93	27,85
14	Hồ Đu Đủ	0,6	0,91	0,83	2,34
15	Đập Sông Phan	12,16	12,86	14,73	39,75
16	Hồ Tân Lập	0,52	2,2	1,37	4,09
17	Hồ Tà Mon	0,99	0,98	3,62	5,59
18	Hồ Núi Đất	0,99	0,98	3,62	5,59
19	Hồ Sông Dinh	24,03	53,73	84,29	162,05
20	Đập Cô Kiều	0,78	0,78	2,89	4,45
21	Sông La Ngà (Tới đập Tà Pao)	197,8	158,86	213,01	569,7
22	Hồ Trà Tân	2,2	2,22	4,21	8,63
	Tổng cộng				1.188,28

Theo Biên bản thống nhất ngày 24/3/2016 giữa Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Thuận với các Nhà máy Thủy điện. Dự kiến lượng nước xả tới tháng 6 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau :

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng				Tổng (10^6 m^3)
		5	6	7	8	
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	2	5	11	11	23,1
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	8	7	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	25	20	36	36,2	167,3
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	12	12	12	

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 6 đến tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 là 166,6 triệu m³ (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 6: 85,4 triệu m³ và tháng 7 : 50,3 triệu m³).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2016						
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)			Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)			
		Lúa	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		33787,6	14761,4	647,5	85,4	50,3	30,8	166,55
1	Hồ Đa Bạc	271,4	54	-	0,72	0,50	-	1,21
2	Hồ Phan Dũng	124	108	-	0,54	0,45	-	0,99
3	Hồ Lòng Sông	3062	195	79,2	8,21	5,81	-	14,02
4	Đập Sông Lũy	6.378,80	294	-	18,35	15,51	12,98	46,85
5	Hồ Cà Giấy	1.410,00	396	-	4,17	3,54	2,99	10,70
6	Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn...	1.027,00	276	-	4,17	3,75	3,34	11,26
7	Hồ Sông Quao	6369	6622,81	-	11,54	17,40	7,40	36,35
8	Hồ Suối Đá	235	470	-	0,36	0,60	0,20	1,16
9	Hồ Sông Khán	74	34	-	0,13	0,20	0,08	0,41
10	Hồ Sông Móng	-	178	-	-	-	-	-
11	Đập Ba Bàu	726,32	3640	-	1,73	0,49	1,03	3,24
12	Hồ Đu Đủ	97	987,67	-	0,22	0,05	0,13	0,40
13	Đập Sông Phan	1	604,8	-	0,07	0,07	0,07	0,21
14	Hồ Tân Lập	-	473,76	-	-	-	-	-
15	Hồ Tà Mon	-	137,4	-	-	-	-	-
16	Hồ Núi Đất	430	226	-	1,26	0,52	0,84	2,62
17	Hồ Sông Dinh	417	64	-	2,01	1,33	1,64	4,98
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	0,14	0,08	0,11	0,33
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	13.024,20	-	568,3	31,73	-	-	31,73
20	Hồ Trà Tân	100,9	-	-	0,09	-	-	0,09

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 10/6/2016 đến 16/6/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/06/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh hầu hết đều tăng, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 16/06/2016 đạt 54,2

triệu m³ (chiếm 25,04% so với dung tích thiết kế), tăng 4,34 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 09/06/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/06/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại - 09/6/2016			Dự kiến nguồn nước đến 16/6/2016			
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 09/6/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 16/6/2016 so với thiết kế	
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,45	0,466	10,41%	26,40	▼	0,445	9,95%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	61,88	6,980	20,71%	61,96	▲	7,069	20,98%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	71,50	12,915	45,30%	72,38	▲	17,204	60,34%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	102,94	0,345	19,68%	102,86	▼	0,329	18,76%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	78,07	16,545	24,58%	77,75	▼	15,59	23,17%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	44,24	1,470	18,71%	44,41	▲	1,745	22,20%
7	Hồ Cẩm Hang	25	1,167	24,11	0,695	59,58%	23,62	▼	0,476	40,77%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	64,55	-0,440	-1,29%	65,01	▲	0,013	0,04%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,80	2,888	48,35%	40,94	▲	3,147	52,68%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	58,18	0,963	28,59%	58,19	▲	0,969	28,76%
11	Hồ Tân Lập	44	1	43,98	0,993	99,28%	43,97	▼	0,989	98,92%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	43,44	0,106	17,40%	43,52	▲	0,115	18,91%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	16,70	-0,093	-1,18%	16,62	▼	-0,118	-1,50%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,00	3,485	100,00%	95,00	■	3,485	100,00%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	63,05	0,303	10,63%	63,41	▲	0,386	13,54%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	199,60	2,265	18,20%	199,73	▲	2,377	19,11%
Tổng			216,559		49,88	23,04%			54,22	25,04%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo từ 10/6/2016 đến 31/8/2016 sẽ có:

- + 03/20 hồ/đập nguồn nước ít, chưa đáp ứng đủ để bố trí diện tích tưới bao gồm : Hồ Lòng Sông (đáp ứng 89%), hồ Đá Bạc (51,04%), hồ Núi Đất (84,8%).
- + 17/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu: Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới, Tú Sơn..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập TaPao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu						
		Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³)				Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016	Tháng thiếu nhiều nước nhất	
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng		Tỷ lệ đáp ứng	Tháng
1	Hồ Đá Bạc	0,109	0,493		0,602	51,04%	0,52%	Tháng 7
2	Hồ Phan Dũng	0	0		0	100%	100%	
3	Hồ Lòng Sông	0,276	1,305		1,581	89%	77,53%	Tháng 7
4	Đập Sông Lũy	0	0		0	100%	100%	
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	100%	100%	
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	100%	100%	
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	100%	100%	
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	100%	100%	
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	100%	100%	
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	100%	100%	
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	100%	100%	
12	Hồ Đu Đủ	0	0	0	0	100%	100%	
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	100%	100%	
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	100%	100%	
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	100%	100%	
16	Hồ Núi Đất	0,276	0,078	0,041	0,395	84,80%	78,01%	Tháng 6
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	100%	100%	
18	Đập Cô Kiều	0	0	0	0	100%	100%	
19	Sông La Ngà (Tối Đập Tà Pao)	0			0	100%	100%	
20	Hồ Trà Tân	0			0	100%	100%	
Tổng					2,58			

Kiến nghị:

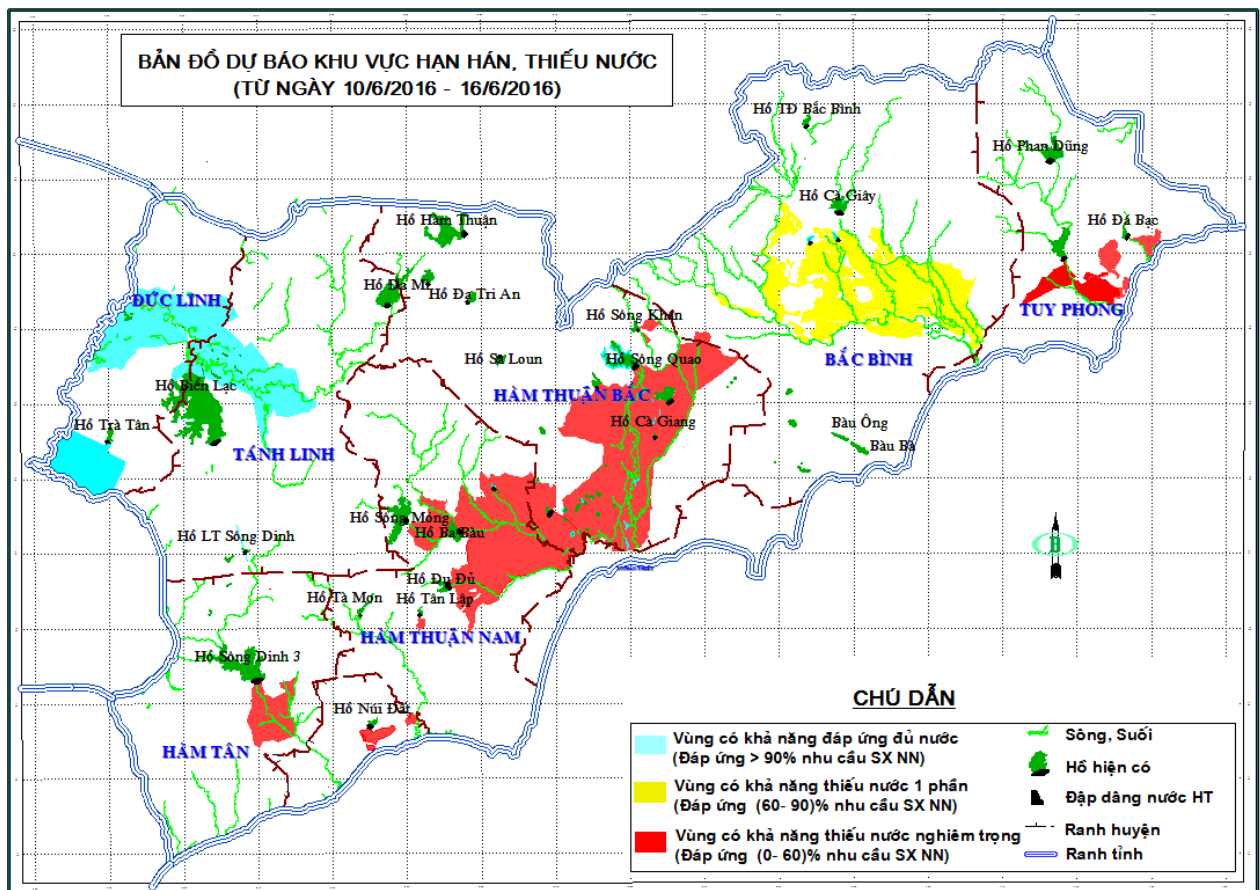
Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã bắt đầu xuất hiện, tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương cần: Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng chống hạn hán có nguy cơ ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi; Thường xuyên theo dõi lưu lượng xả nước của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Thường xuyên theo dõi diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch xuống giống hợp lý cho vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 16/06/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt 54,2 triệu m³ (chiếm 25,04% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị Kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 16/6/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông: 7,06 triệu m³, hồ Phan Dũng: 2,37 triệu m³, hồ Đá Bạc 0,44 triệu

m³ nên ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhà máy nước thị trấn Liên Hương, nước uống cho gia súc;

- Hồ Cà Giây: 17,2 triệu m³, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc, tưới cho cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày;
- Hồ Sông Quao: 15,59 triệu m³, ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Ma Lâm huyện Hàm Thuận Bắc và thành phố Phan Thiết;
- Hồ Sông Móng: 0,01 triệu m³, đập Ba Bàu: 3,14 triệu m³, hồ Tà Mon: 0,11 triệu m³, hồ Đu Đủ: 0,96 triệu m³, hồ Tân Lập: 0,98 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho thị trấn huyện Hàm Thuận Nam;
- Hồ Núi Đất hết nước, hồ sông Dinh 3: 3,75 triệu m³ ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho Thị xã LaGi;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng hạn hán, thiếu nước từ ngày 10/06/2016 đến ngày 16/06/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 9/6/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.